

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA QUAN HỆ QUỐC TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: **Lịch sử Quan hệ Quốc tế**
 - + Tiếng Anh: **History of International Relations**
- Mã số môn học:
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - ☐ Kiến thức cơ bản
 - ☐ Kiến thức chuyên ngành
 - ☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung
 - ☒ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức khác
 - ☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ: 03 (45 tiết)
 - + Lý thuyết: 02 (30 tiết)
 - + Thực hành: 01 (15 tiết)
- Môn học tiên quyết/Môn học trước: Lịch sử thế giới đại cương, Lịch sử văn minh thế giới
- Môn học song hành: Chính trị học đại cương, Lịch sử ngoại giao Việt Nam

2. Mô tả môn học

(vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)

Môn học này nhằm mục đích giới thiệu cả kiến thức lịch sử và thực tiễn về Quan hệ quốc tế để xây dựng cơ sở vững chắc để bắt đầu chuyên môn hóa trong lĩnh vực này hoặc như một cách tiếp cận hữu ích để dẫn dắt các vấn đề quốc tế cho những người muốn nâng cao kiến thức của họ nhằm mục đích học thuật, nhà cung cấp dịch vụ báo chí hoặc doanh nhân.

Môn học được tổ chức thành ba phần tạo thành nhóm kiến thức cốt lõi cần tiếp thu và bao gồm các buổi thực hành và giống như hội thảo hơn để phát triển và chia sẻ kiến thức và kỹ năng với một loạt các buổi làm việc có hướng dẫn dành cho các chủ đề cụ thể về lịch sử của quan hệ quốc tế, nghiên cứu và giải quyết xung đột, các vấn đề chính sách ngành quốc tế và các nghiên cứu điển hình khác. Trong suốt khóa học, sinh viên sẽ được yêu cầu đọc một loạt các văn bản chính và chuẩn bị và tham gia các buổi thuyết trình hoặc tranh luận cá nhân. Vào cuối khóa học, sinh viên được kỳ vọng sẽ hiểu biết toàn diện về lịch sử quan hệ quốc tế từ xưa đến nay, bao gồm các nguyên tắc và khái niệm cơ bản của Quan hệ quốc tế, cũng như khả năng phân tích các vấn đề của quan hệ quốc tế đương đại. Ngoài ra, môn học cũng tạo thuận lợi hơn cho sinh viên trong việc học tập các môn chuyên ngành khác.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Đào Minh Hồng (2009). Tập bài đọc Lịch sử Ngoại giao Việt Nam (4 tập), Khoa Quan hệ Quốc tế lưu hành nội bộ.

Trần Nam Tiến chủ biên (2008). Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-2000). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Tài liệu khác:

Andrew J. Williams, Amelia Hadfield, and J. Simon Rofo (2012). International History and International Relations. Abingdon: Routledge.

Howard LeRoy Malchow (2019). History and International Relations: From the Ancient World to the 21st Century. New York: Bloomsbury Academic.

John W. Young, John Kent (2004). International Relations Since 1945: A Global History. Oxford: Oxford University Press.

Geir Lundestad (2013). International Relations since the End of the Cold War: New and Old Dimensions. Oxford: Oxford University Press.

Other required materials will be shared on Google Drive.

4. Mục tiêu môn học

(các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1. Kiến thức KT cơ sở KT mở rộng KT chuyên sâu	- <i>Cung cấp</i> cho sinh viên những cơ sở lý thuyết về Quan hệ quốc tế và những phạm trù có liên quan.	1.1.1	
	- <i>Phân tích</i> các chủ thể và các cấp độ tiếp cận lịch sử ngoại Quan hệ quốc tế.	1.2.1	
	- <i>Phân tích</i> sự tác động qua lại giữa các nhân tố bên ngoài và bên trong trong lịch sử quan hệ quốc tế.	1.3.1	
G2. Kỹ năng KN chuyên môn KN bổ trợ	- <i>Vận dụng</i> kiến thức và công cụ cần thiết cho việc nhận thức, phân tích và đánh giá về lịch sử quan hệ quốc tế, chú trọng thời hiện đại	2.1.1	
		2.2.1	
	- <i>Tạo ra</i> môi trường học tập và <i>hỗ trợ phát triển</i> các kỹ năng phân tích, đánh giá, tranh luận, đề xuất và tổng hợp giải pháp liên quan đến chính sách và quan hệ giữa các quốc gia.	2.3.1	
G3. Thái độ và Phẩm chất	- <i>Xây dựng</i> môi trường để sinh viên trao đổi và <i>nâng cao</i> thái độ hiểu biết, tôn trọng và tinh thần trách nhiệm với các vấn đề đối ngoại liên quan đến Việt Nam.	3.1.1	
		3.2.1	
		3.3.1	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học.

5. Chuẩn đầu ra môn học

(các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	<i>Khái quát hóa (generalize)</i> các khái niệm, phạm trù chính về lịch sử quan hệ quốc tế và các tranh luận, phê bình chính của các học giả trong và ngoài nước.	I
G1.2	<i>Hiểu và giải thích (interpret)</i> được vai trò của các chủ thể tham gia vào hoạt động quan hệ quốc tế với các chủ thể khác.	T
G1.3	<i>Xác định và phân tích (identify and analyze)</i> được các vấn đề lợi ích, các nhân tố tác động đến hoạt động quan hệ quốc tế của các quốc gia qua các thời kỳ.	T-U
G2.1	<i>Hoàn thiện một cách tự tin (develop and better with confidence)</i> các kỹ năng lý luận và phản biện.	T-U

G2.2	<i>Cải thiện một cách hiệu quả (improve with efficiency) khả năng cấu trúc và bảo vệ các luận điểm cá nhân</i>	T-U
G2.3	<i>Thích nghi với những khác biệt và đa dạng trong giao tiếp và tranh luận mang tính cá nhân; trong việc đề xuất và xây dựng giải pháp mang tính tập thể</i>	T-U
G3.1	<i>Chú ý và quan tâm các vấn đề thuộc về lịch sử quan hệ quốc tế, trong đó có Việt Nam.</i>	T-U
G3.2	<i>Chia sẻ các giá trị cộng đồng và nâng cao nhận thức lịch sử quan hệ quốc tế.</i>	U
G3.3	<i>Có trách nhiệm với cộng đồng về các hoạt động liên quan đến lịch sử quan hệ quốc tế.</i>	U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CDR môn học (G.x.x) (3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Hiện diện trên lớp		
	A1.2 Thảo luận và tranh luận cá nhân và nhóm	- Nhận diện vấn đề quan tâm	Điểm cộng
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Thuyết trình nhóm	- Hiểu lý thuyết - Phân tích được tình huống - Nâng cao thái độ và trách nhiệm với vấn đề trình bày	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài tiểu luận	- Hiểu lý thuyết - Phân tích được tình huống - Phát triển tư duy tranh luận - Đưa ra được các giải pháp & kiến nghị - Nâng cao thái độ và trách nhiệm	70%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá.

(4): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)

Lý thuyết và Thực hành

Tuần/ Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1.	I: NHẬP MÔN VÀ CÁCH TIẾP CẬN LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ (QHQT) 1.1. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp tiếp cận môn học 1.2. Các chủ thể trong LSQHQT	- Nắm tổng quát về Ngoại giao và Lịch sử QHQT - Hiểu lý thuyết - Nhận diện vấn đề quan tâm	- GV giảng lý thuyết - SV thảo luận và trình bày - SV đọc trước tài liệu tại nhà	

	1.3. Phân kỳ lịch sử QHQT			
2.	II: LỊCH SỬ QHQT THỜI CỔ ĐẠI: Phần Phương Đông 2.1. Phạm vi và các chủ thể quyền lực chính 2.2. QHQT ở phương Đông	- Hiểu lý thuyết - Nhận diện vấn đề quan tâm	- GV giảng lý thuyết - SV thảo luận và trình bày - SV đọc trước tài liệu tại nhà	
3.	III: LỊCH SỬ QHQT THỜI CỔ ĐẠI: Phần Phương Tây 3.1. Phạm vi và các chủ thể quyền lực chính 3.2. QHQT ở phương Tây 3.3. QHQT phương Tây – phương Đông	- Nhận diện vấn đề quan tâm - Phân tích và đánh giá về các vấn đề LS QHQT	- GV giảng lý thuyết - SV trình bày thuyết trình và tranh luận trên lớp - SV đọc trước tài liệu và chuẩn bị bài thuyết trình tại nhà	
4.	IV: LỊCH SỬ QHQT THỜI TRUNG ĐẠI: Phần Phương Đông 4.1. Cơ sở hình thành quan hệ 4.2. Các nội dung chính QHQT phương Đông	- Nhận diện vấn đề quan tâm - Phân tích và đánh giá về các vấn đề LS QHQT	- GV giảng lý thuyết - SV trình bày thuyết trình và tranh luận trên lớp - SV đọc trước tài liệu và chuẩn bị bài thuyết trình tại nhà	
5.	V: LỊCH SỬ QHQT THỜI TRUNG ĐẠI: Phần Phương Tây 5.1. Các nhân tố tác động trong và ngoài nước 5.2. Các nội dung chính 5.3. QHQT phương Tây và phương Đông	- Nhận diện vấn đề quan tâm - Phân tích và đánh giá về các vấn đề LS QHQT	- GV giảng lý thuyết - SV trình bày thuyết trình và tranh luận trên lớp - SV đọc trước tài liệu và chuẩn bị bài thuyết trình tại nhà	
6.	Thảo luận giữa kỳ		- SV thảo luận và trình bày các chủ đề do GV cung cấp - SV đọc trước tài liệu tại nhà	
7.	VI: LỊCH SỬ QHQT CẬN ĐẠI (1648-1945) 6.1. Các nhân tố và chủ thể chính trong QHQT 6.2. Các nội dung chính	- Nhận diện vấn đề quan tâm - Phân tích và đánh giá về các vấn đề LS QHQT	- GV giảng lý thuyết - SV trình bày thuyết trình và tranh luận trên lớp - SV đọc trước tài liệu và chuẩn bị bài thuyết trình tại nhà	
8.	VII: CHIẾN TRANH LẠNH (1945-1991) 7.1. Sự chuyển dịch quyền lực và sự hình thành trật tự hai cực Yalta 7.2. Các nội dung chính	- Nhận diện vấn đề quan tâm - Phân tích và đánh giá về các vấn đề LS QHQT	- GV giảng lý thuyết - SV trình bày thuyết trình và tranh luận trên lớp - SV đọc trước tài liệu và chuẩn bị bài thuyết trình tại nhà	
9.	VIII: LỊCH SỬ QHQT SAU CHIẾN TRANH (Thảo luận chuyên đề)	- Nâng cao khả năng tổng hợp và khái quát vấn đề - Phát triển tư duy tranh luận	- GV và SV thảo luận và tranh luận các vấn đề tranh cãi - GV hướng dẫn ôn tập	

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...)

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Được sử dụng công nghệ như laptop, máy tính bảng phục vụ nghiên cứu trong quá trình học nhưng *tuyệt đối không sử dụng để học môn khác hoặc làm việc riêng*.
- Vắng quá **3 buổi** học trên lớp: học lại
- Không làm bài giữa kỳ hoặc/và cuối kỳ: học lại
- Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

9. Phụ trách môn học

1) PGS.TS. Trần Nam Tiến, 2) TS. Nguyễn Tuấn Khanh

Khoa: Quan hệ quốc tế; Bộ môn: Chính trị ngoại giao

Email liên hệ: trannamtienqhqt@gmail.com

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2023

TRƯỞNG BỘ MÔN

(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA

(ký, ghi rõ họ tên)